

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) đã kiểm toán năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

**1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – SÔNG LAM**

- Địa chỉ trụ sở chính: Khối I, Xã Hưng Đạo, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An
- Mã chứng khoán: BSL
- Điện thoại: 02388.662.662 Fax: 02388.662.664
- Email: sasobeco@sasobeco.com.vn
- Website: https://sasobeco.com.vn/



**2. Nội dung thông tin công bố:**

BCTC đã kiểm toán năm 2023.

- BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

- Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán):

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán):

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 15/03/2024  
tại đường dẫn: <https://sasobeco.com.vn/>

Tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**Tài liệu đính kèm**

- BCTC năm/2023;
- Công văn giải trình lợi nhuận.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ  
THÔNG TIN**

**BIA**  
SÀI GÒN-SÔNG LAM  
H. HUNG NGUYỄN-T. NGHỆ AN

**Đặng Việt Cường**





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đầu tư số** 271110000018

ngày 7 tháng 12 năm 2007

Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Nghệ An cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên.

**Giấy Chứng nhận**

2703001077

ngày 20 tháng 12 năm 2006

**Đăng ký Doanh nghiệp số**

2900783332

ngày 5 tháng 9 năm 2023

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2900783332 ngày 5 tháng 9 năm 2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Tan Teck Chuan Lester

Chủ tịch (từ ngày 5 tháng 10 năm 2023)

Ông Gim Siong Bennett

Chủ tịch (đến ngày 4 tháng 10 năm 2023)

Ông Văn Thanh Liêm

Thành viên

Ông Cao Thanh Bích

Thành viên

Ông Nguyễn Hồng Anh

Thành viên

Ông Vương Nguyễn Đăng Khoa

Thành viên (từ ngày 12 tháng 4 năm 2023)

Ông Lê Xuân Sơn

Thành viên (đến ngày 11 tháng 4 năm 2023)

**Ban Kiểm soát**

Bà Hoàng Thanh Vân

Trưởng ban

Bà Nguyễn Thanh Thủy

Thành viên

Bà Lưu Thanh Thảo

Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Hồng Anh

Giám đốc

(từ ngày 1 tháng 9 năm 2023)

Ông Nguyễn Hồng Anh

Phó Giám đốc

(đến ngày 31 tháng 8 năm 2022)

Ông Trần Quang Trung

Giám đốc

(đến ngày 31 tháng 8 năm 2023)

Ông Trần Quang Trung

Phó Giám đốc

(từ ngày 1 tháng 9 năm 2023)

**Trụ sở đăng ký**

Khối 1, Xã Hưng Đạo

Huyện Hưng Nguyên

Tỉnh Nghệ An

Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam** **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Tỉnh Nghệ An, ngày 8 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-04-00006-24-1

Triệu Tích Quyền  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4629-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2024



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>386.099.782.224</b>	<b>276.187.913.856</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>28.575.511.984</b>	<b>12.088.325.307</b>
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>249.717.653.857</b>	<b>170.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	249.717.653.857	170.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>42.794.167.861</b>	<b>21.823.109.067</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	38.594.478.260	18.590.371.409
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		213.671.266	494.483.984
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.986.018.335	2.738.253.674
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9(a)</b>	<b>64.250.105.470</b>	<b>71.295.102.101</b>
Hàng tồn kho	141		64.721.231.901	73.890.581.525
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(471.126.431)	(2.595.479.424)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>762.343.052</b>	<b>981.377.381</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		390.653.530	194.497.587
Thuế phải thu Nhà Nước	153		371.689.522	786.879.794
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>270.832.526.428</b>	<b>342.271.108.044</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		30.000.000	30.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>257.971.838.666</b>	<b>334.804.812.602</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	257.970.046.559	334.744.528.125
Nguyên giá	222		1.293.531.539.850	1.292.457.074.877
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.035.561.493.291)	(957.712.546.752)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.792.107	60.284.477
Nguyên giá	228		303.930.000	303.930.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(302.137.893)	(243.645.523)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.041.157.990</b>	<b>608.539.091</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	4.041.157.990	608.539.091
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.789.529.772</b>	<b>6.827.756.351</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	708.114.502	438.264.601
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.294.335.615	2.097.593.536
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	9(b)	5.787.079.655	4.291.898.214
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>656.932.308.652</b>	<b>618.459.021.900</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>154.067.624.035</b>	<b>130.864.353.223</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>153.416.993.635</b>	<b>130.372.353.223</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	16.204.745.318	13.056.304.277
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	102.171.228.035	82.433.183.476
Phải trả người lao động	314		2.341.137.385	3.019.163.701
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	7.753.698.596	7.258.976.376
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	4.180.877.501	21.086.703.133
Vay ngắn hạn	320	18	17.000.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	3.765.306.800	3.518.022.260
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>650.630.400</b>	<b>492.000.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337		500.000.000	320.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		150.630.400	172.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>502.864.684.617</b>	<b>487.594.668.677</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>502.864.684.617</b>	<b>487.594.668.677</b>
Vốn cổ phần	411	21	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	6.516.196.015	6.516.196.015
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		46.348.488.602	31.078.472.662
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		16.728.844.825	12.340.122.372
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		29.619.643.777	18.738.350.290
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>656.932.308.652</b>	<b>618.459.021.900</b>

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Văn Bá Thi  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Anh  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Mẫu B 02 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>25</b>	<b>809.156.113.830</b>	<b>865.290.976.459</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>26</b>	<b>762.442.770.131</b>	<b>795.840.317.643</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>46.713.343.699</b>	<b>69.450.658.816</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	14.292.458.835	5.306.395.334
Chi phí tài chính	22		735.786.303	59.068.493
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		735.786.303	59.068.493
Chi phí bán hàng	25		-	1.198.892.633
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	17.405.844.312	23.218.914.892
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>42.864.171.919</b>	<b>50.280.178.132</b>
Thu nhập khác	31		45.203.693	670.557.000
Chi phí khác	32		711.685.880	2.803.925
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(666.482.187)</b>	<b>667.753.075</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>42.197.689.732</b>	<b>50.947.931.207</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>30</b>	<b>9.094.788.034</b>	<b>10.499.818.129</b>
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>30</b>	<b>(196.742.079)</b>	<b>(56.854.378)</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>33.299.643.777</b>	<b>40.504.967.456</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				<b>(điều chỉnh lại)</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	658	799

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Văn Bá Thi  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Anh  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>42.197.689.732</b>	<b>50.947.931.207</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	77.907.438.909	78.375.630.609
Các khoản dự phòng	03	962.340.798	776.771.894
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(14.292.458.835)	(5.306.395.334)
Lãi từ tài sản cố định đã xóa sổ	05	562.500.000	-
Chi phí lãi vay	06	735.786.303	59.068.493
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>108.073.296.907</b>	<b>124.853.006.869</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(19.809.446.111)	(1.103.982.115)
Biến động hàng tồn kho	10	4.566.104.792	(18.514.093.568)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	19.356.439.177	(4.363.371.462)
Biến động chi phí trả trước	12	(466.005.844)	1.593.065.918
		<b>111.720.388.921</b>	<b>102.464.625.642</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(739.641.097)	(26.849.315)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.609.026.273)	(15.025.911.105)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.282.343.297)	(3.244.457.207)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>102.089.378.254</b>	<b>84.167.408.015</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(5.244.583.872)	(2.568.744.813)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(228.000.000.000)	(230.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	156.897.534.247	110.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	4.515.658.048	3.258.614.511
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(71.831.391.577)</b>	<b>(119.310.130.302)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33	310.000.000.000	35.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(293.000.000.000)	(35.000.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(30.770.800.000)	(30.596.600.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(13.770.800.000)</b>	<b>(30.596.600.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>16.487.186.677</b>	<b>(65.739.322.287)</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>12.088.325.307</b>	<b>77.827.647.594</b>
<b>Tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>28.575.511.984</b>	<b>12.088.325.307</b>

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Văn Bá Thi  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Anh  
Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là BSL.

### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 179 nhân viên (1/1/2023: 186 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn. Những khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	6 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

**(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(k) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.



## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **(m) Doanh thu và thu nhập khác**

##### **(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

##### **(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

#### **(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

#### **(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**(s) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

**4. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh các sản phẩm liên quan đến quá trình sản xuất bia. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	622.640.007	508.744.930
Tiền gửi ngân hàng	27.952.871.977	11.579.580.377
	28.575.511.984	12.088.325.307

**6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất dao động từ 4,5% đến 5,2% một năm (1/1/2023: từ 5,0% đến 6,0% một năm).

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	38.028.310.220	18.091.890.776
Các khách hàng khác	566.168.040	498.480.633
	38.594.478.260	18.590.371.409

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	38.028.310.220	18.091.890.776

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay phải thu	3.884.998.291	2.723.385.608
Ký quỹ	15.000.000	5.000.000
Khác	86.020.044	9.868.066
	<hr/>	<hr/>
	3.986.018.335	2.738.253.674
	<hr/>	<hr/>

**9. Hàng tồn kho****(a) Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	130.840.000	-	-	-
Nguyên vật liệu	24.375.349.346	-	23.748.527.120	-
Công cụ và dụng cụ	1.944.494.833	(471.126.431)	5.514.840.350	(2.595.479.424)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.788.120.304	-	26.127.799.460	-
Thành phẩm	16.482.427.418	-	18.499.414.595	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	64.721.231.901	(471.126.431)	73.890.581.525	(2.595.479.424)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	2.595.479.424	2.331.916.025
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(232.534.311)	-
Chuyển sang dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư và phụ tùng dài hạn	(1.891.818.682)	-
Dự phòng trích lập trong năm	-	263.563.399
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	471.126.431	2.595.479.424
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	16.615.631.304	(10.828.551.649)	12.012.386.472	(7.720.488.258)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	7.720.488.258	7.207.279.763
Dự phòng trích lập trong năm	1.216.244.709	513.208.495
Chuyển từ dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.891.818.682	-
Số dư cuối năm	10.828.551.649	7.720.488.258

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	223.437.662.362	1.048.389.953.268	7.650.541.526	11.276.865.214	1.702.052.507	1.292.457.074.877
Tăng trong năm	-	800.014.973	-	274.450.000	-	1.074.464.973
Số dư cuối năm	223.437.662.362	1.049.189.968.241	7.650.541.526	11.551.315.214	1.702.052.507	1.293.531.539.850
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	99.952.410.606	838.472.504.898	7.433.719.290	10.210.840.471	1.643.071.487	957.712.546.752
Khấu hao trong năm	10.659.012.283	66.578.149.959	87.999.996	487.673.531	36.110.770	77.848.946.539
Số dư cuối năm	110.611.422.889	905.050.654.857	7.521.719.286	10.698.514.002	1.679.182.257	1.035.561.493.291
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	123.485.251.756	209.917.448.370	216.822.236	1.066.024.743	58.981.020	334.744.528.125
Số dư cuối năm	112.826.239.473	144.139.313.384	128.822.240	852.801.212	22.870.250	257.970.046.559

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá là 22.683 triệu VND (1/1/2023: 18.280 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	303.930.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	243.645.523
Khấu hao trong năm	58.492.370
Số dư cuối năm	302.137.893
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	60.284.477
Số dư cuối năm	1.792.107

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá là 204 triệu VND (1/1/2023: 92 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	608.539.091	608.539.091
Tăng trong năm	3.995.118.899	-
Xóa sổ	(562.500.000)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.041.157.990	608.539.091

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Nâng cấp hệ thống ghép mí mắt Ferrum	1.619.694.341	-
Nâng cấp hệ thống rửa chai	1.897.599.514	-
Khác	523.864.135	608.539.091
	<hr/>	<hr/>
	4.041.157.990	608.539.091

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Bao bì luân chuyển</b> <b>VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ</b> <b>VND</b>	<b>Khác</b> <b>VND</b>	<b>Tổng</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	135.053.931	303.210.670	-	438.264.601
Tăng trong năm	-	224.949.097	430.946.023	655.895.120
Phân bổ trong năm	(135.053.931)	(230.157.955)	(20.833.333)	(386.045.219)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	-	298.001.812	410.112.690	708.114.502



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	5.111.323.284	5.277.517.281
Công ty TNHH Thịnh Đức	2.387.320.000	-
Công ty TNHH Krones Việt Nam	1.851.505.040	-
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	766.513.900	1.081.141.303
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Xuân Hòa	-	1.562.896.716
Các nhà cung cấp khác	6.088.083.094	5.134.748.977
	<b>16.204.745.318</b>	<b>13.056.304.277</b>

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	5.111.323.284	5.277.517.281
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co	126.694.600	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi	46.656.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	36.717.463	411.820.229
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Hà Tĩnh	-	71.982.000
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương	-	42.129.878

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**15. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số còn trừ VND	31/12/2023 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	73.664.234.675	818.229.044.009	(804.797.343.688)	-	87.095.934.996
Thuế giá trị gia tăng	8.729.981.595	162.475.050.823	(99.728.857.966)	(60.124.871.517)	11.351.302.935
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	9.094.788.034	(4.609.026.273)	(786.879.794)	3.698.881.967
Thuế thu nhập cá nhân	38.967.206	893.514.038	(907.373.107)	-	25.108.137
Thuế khác	-	1.433.182.739	(1.433.182.739)	-	-
	82.433.183.476	992.125.579.643	(911.475.783.773)	(60.911.751.311)	102.171.228.035

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí lãi vay	4.252.204.586	4.256.059.380
Chi phí xây dựng	1.934.399.990	1.934.399.990
Chi phí phải trả khác	1.567.094.020	1.068.517.006
	7.753.698.596	7.258.976.376

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Cổ tức phải trả	3.391.500.000	20.662.300.000
Ký quỹ đã nhận	535.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	254.377.501	424.403.133
	4.180.877.501	21.086.703.133

**18. Vay ngắn hạn**

	1/1/2023		31/12/2023		
	Giá trị ghi sổ/ Khoản trong khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm	Tăng VND	Hoàn trả VND	Giá trị ghi sổ/ Khoản trong khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	-	310.000.000.000	(293.000.000.000)		17.000.000.000

Các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh không có bảo đảm, và chịu lãi suất 2,9%/năm (2022: không).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	3.518.022.260	5.725.217.159
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	3.680.000.000	3.706.202.662
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	849.627.837	(2.668.940.354)
Sử dụng trong năm	(4.282.343.297)	(3.244.457.207)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	3.765.306.800	3.518.022.260

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sóng Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	450.000.000.000	6.516.196.015	40.928.092.876	497.444.288.891
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	40.504.967.456	40.504.967.456
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(49.500.000.000)	(49.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(3.706.202.662)	(3.706.202.662)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	2.668.940.354	2.668.940.354
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(60.414.504)	(60.414.504)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	243.089.142	243.089.142
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	450.000.000.000	6.516.196.015	31.078.472.662	487.594.668.677
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	33.299.643.777	33.299.643.777
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(13.500.000.000)	(13.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(3.680.000.000)	(3.680.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(849.627.837)	(849.627.837)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	450.000.000.000	6.516.196.015	46.348.488.602	502.864.684.617

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## **21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>31/12/2023 và 1/1/2023</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
<hr/>		
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
<hr/>		

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## **22. Cổ tức**

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 12 tháng 4 năm 2023 đã quyết định chia cổ tức cho các cổ đông số tiền là 31.500 triệu VND (tương đương 700 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022. Sau khi trừ cổ tức tạm ứng năm 2022 số tiền 18.000 triệu VND, Hội Đồng Quản Trị của Công ty ngày 8 tháng 5 năm 2023 đã thông qua chia cổ tức còn lại 13.500 triệu VND (tương đương 300 VND/cổ phiếu) (2022: 49.500 triệu VND (tương đương 1.100 VND/cổ phiếu) ) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 và 2021).

## **23. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

## 24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

### Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng một năm	1.239.041.000	1.239.041.000
Từ hai đến năm năm	4.956.164.000	4.956.164.000
Sau năm năm	37.480.990.250	38.720.031.250
	<hr/>	<hr/>
	43.676.195.250	44.915.236.250

## 25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2023 VND	2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	802.893.469.981	858.649.497.816
▪ Doanh thu khác	6.262.643.849	6.641.478.643
	<hr/>	<hr/>
	809.156.113.830	865.290.976.459

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**26. Giá vốn hàng bán**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Bán thành phẩm	746.275.405.795	783.965.283.437
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	983.710.398	776.771.894
▪ Giá vốn khác	15.183.653.938	11.098.262.312
	<hr/>	<hr/>
	762.442.770.131	795.840.317.643
	<hr/>	<hr/>

**27. Doanh thu tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Thu nhập lãi tiền gửi	14.292.458.835	5.306.395.334
	<hr/>	<hr/>

**28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	8.822.472.727	10.354.121.280
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.038.557.856	4.301.230.937
Chi phí khấu hao	852.976.153	973.101.590
Thiết bị văn phòng	272.315.410	363.920.384
Thuế, phí và lệ phí	40.181.109	1.279.212.209
Chi phí quản lý khác	4.379.341.057	5.947.328.492
	<hr/>	<hr/>
	17.405.844.312	23.218.914.892
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	612.228.985.685	670.017.818.434
Chi phí khấu hao và phân bổ	77.907.438.909	78.375.630.609
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.097.166.773	38.029.195.918
Chi phí nhân công và nhân viên	33.722.424.706	33.199.154.783
Chi phí khác	7.777.565.690	11.111.415.134

**30. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	9.022.779.598	10.499.818.129
Dự phòng thiếu trong những năm trước	72.008.436	-
	9.094.788.034	10.499.818.129
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(196.742.079)	(56.854.378)
	8.898.045.955	10.442.963.751

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	42.197.689.732	50.947.931.207
Thuế theo thuế suất của Công ty	8.439.537.946	10.189.586.241
Chi phí không được khấu trừ thuế	386.499.573	253.377.510
Dự phòng thiếu trong những năm trước	72.008.436	-
	8.898.045.955	10.442.963.751

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b> <b>(điều chỉnh lại)</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	33.299.643.777	40.504.967.456
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	(3.680.000.000)	(3.706.202.662)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng và phúc lợi (**)	-	(849.627.837)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<b>29.619.643.777</b>	<b>35.949.136.957</b>

(\*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(\*\*) Việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày lại trên cơ sở số trích lập thực tế đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được điều chỉnh lại thành 799 đồng/cổ phiếu dựa trên số điều chỉnh đã trích lập vào quỹ khen thưởng phúc lợi (như đã báo cáo trước đây: 818 đồng/cổ phiếu).

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.621.122.513.990	1.794.654.957.590
Bán nguyên vật liệu	226.478.513	-
Mua nguyên vật liệu	555.215.450.994	609.888.640.620
Cổ tức được công bố	9.285.000.000	34.045.000.000
Cổ tức đã trả	21.665.000.000	21.665.000.000
Bán dịch vụ	208.223.527	410.612.031
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Chi phí sử dụng vỏ chai	367.642.829	1.177.411.105
Phí sử dụng thùng	5.217.906.783	-
<b>Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh</b>		
Mua nguyên vật liệu	178.250.000	821.500.000
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ</b>		
Mua hàng hoá	1.156.057.110	461.575.720
<b>Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co</b>		
Mua công cụ và dụng cụ	356.656.652	596.892.822
Mua nguyên vật liệu	418.168.780	-
Mua dịch vụ	902.677.000	354.096.000
<b>Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây</b>		
Mua hàng hoá	32.364.000	118.600.000
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi</b>		
Mua nguyên vật liệu	303.200.000	-
<b>Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung</b>		
Mua hàng hoá	82.604.780	-
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh</b>		
Bán hàng hóa	-	61.183.333
<b>Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương</b>		
Mua hàng hóa	-	156.353.203

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ</b>		
Bán hàng hóa	-	34.300.000
<b>Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn</b>		
Bán dịch vụ	-	766.032.852
<b>Ban Giám đốc</b>		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	1.132.420.868	1.991.611.886
<b>Hội đồng quản trị</b>		
<i>Thù lao</i>		
Ông Tan Teck Chuan Lester – Chủ tịch	32.500.000	-
Ông Gim Siong Bennett – Chủ tịch	97.500.000	130.000.000
Ông Văn Thanh Liêm – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Cao Thanh Bích – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Võ Hải Thanh – Thành viên	-	24.000.000
Ông Nguyễn Hồng Anh – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Lê Xuân Sơn – Thành viên	36.652.780	67.000.000
Ông Vương Nguyễn Đăng Khoa – Thành viên	54.347.220	-
<b>Ban Kiểm soát</b>		
<i>Thù lao</i>		
Bà Hoàng Thanh Vân – Trưởng ban	91.000.000	91.000.000
Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Bà Lưu Thanh Thảo – Thành viên	52.000.000	52.000.000

**33. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	-	175.000.000
Thu nhập lãi tiền gửi được vốn hóa vào tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	8.615.188.104	-

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**34. Thông tin so sánh**

Các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Văn Bá Thi  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

  


M.S.D.N: 290071992-C.T.P  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
BIA  
SÀI GÒN - SÔNG LAM  
H. HƯNG NGUYỄN T. NGHỆ AN

Nguyễn Hồng Anh  
Giám đốc



